

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT CƯỜNG THUẬN IDICO

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
- Căn cứ vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Cường Thuận IDICO ngày 20/05/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo của HĐQT, Ban tổng giám đốc và Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về hoạt động công ty năm 2021 và phương hướng năm 2022.

Điều 2. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã kiểm toán của năm 2021 được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học (AISC) như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ (ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN):

I. Tổng tài sản :	:	1.642	tỷ đồng
A. Tài sản ngắn hạn	:	451	tỷ đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	:	126	tỷ đồng
2. Đầu tư ngắn hạn :	:	0	tỷ đồng
3. Các khoản thu ngắn hạn :	:	204	tỷ đồng
4. Hàng tồn kho:	:	116	tỷ đồng
5. Tài sản ngắn hạn khác:	:	5	tỷ đồng
B. Tài sản dài hạn	:	1.191	tỷ đồng
1. Các khoản phải thu dài hạn	:	74	tỷ đồng
2. Tài sản cố định	:	233	tỷ đồng
3. Tài sản dở dang dài hạn	:	210	tỷ đồng
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	:	608	tỷ đồng
5. Tài sản dài hạn khác	:	66	tỷ đồng
II. Tổng nguồn vốn	:	1.642	tỷ đồng
A. Nợ phải trả	:	609	tỷ đồng
1. Nợ ngắn hạn	:	365	tỷ đồng
2. Nợ dài hạn	:	244	tỷ đồng
B. Vốn chủ sở hữu	:	1.033	tỷ đồng
1. Vốn chủ sở hữu	:	1.033	tỷ đồng
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	:	0	tỷ đồng

⇒ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh công ty mẹ:**

- Tổng doanh thu thuần : 436,40 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 17,04 tỷ đồng.

*** BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021 (ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

I. Tổng tài sản	:	4.755	tỷ đồng
A. Tài sản ngắn hạn	:	484	tỷ đồng
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	:	218	tỷ đồng
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	:	0	tỷ đồng

3. Các khoản thu ngắn hạn	:	127	tỷ đồng
4. Hàng tồn kho	:	116	tỷ đồng
5. Tài sản ngắn hạn khác	:	24	tỷ đồng
B. Tài sản dài hạn	:	4.271	tỷ đồng
1. Các khoản phải thu dài hạn	:	14	tỷ đồng
2. Tài sản cố định	:	3.443	tỷ đồng
3. Tài sản dở dang dài hạn	:	719	tỷ đồng
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	:	2	tỷ đồng
5. Tài sản dài hạn khác	:	92	tỷ đồng
II. Tổng nguồn vốn	:	4.755	tỷ đồng
A. Nợ phải trả	:	3.500	tỷ đồng
1. Nợ ngắn hạn	:	561	tỷ đồng
2. Nợ dài hạn	:	2.940	tỷ đồng
B. Vốn chủ sở hữu	:	1.255	tỷ đồng
1. Vốn chủ sở hữu	:	1.255	tỷ đồng
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	:	0	tỷ đồng

⇒ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:**

- Tổng doanh thu thuần	:	759,18 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế	:	-13,18 tỷ đồng.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi cổ tức và chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021:

a. Chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021:

Chi thù lao HĐQT, Ban KS, Ban thư ký năm 2021	:	300.000.000 đồng
- Chi thù lao HĐQT	:	200.000.000 đồng
- Chi thù lao BKS	:	50.000.000 đồng
- Chi thù lao Ban thư ký	:	50.000.000 đồng

b. Phân phối lợi nhuận năm 2021:

Năm 2021 không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Điều 4. Thông qua báo cáo về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022.

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ VND

Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu	Tổng LN sau thuế TNDN	Ghi chú
1- Doanh thu xây lắp, cung cấp BTNN, BTT	300,000		
2- Doanh thu cung cấp công	60,000		
3- Doanh thu khai thác, gia công đá các loại	50,000		
4- Sản phẩm khác (xăng dầu)	32,225		
5- Vận hành thu phí đường bộ	514,245		
<i>a- BOT QL91</i>	<i>104,194</i>		
<i>b- BOT QL1</i>	<i>324,000</i>		
<i>c- BOT Đường chuyên dùng</i>	<i>40,545</i>		
<i>d- BOT 319 CTI</i>	<i>45,506</i>		
6- Đăng kiểm xe cơ giới	12,268		
7- Hoạt động du lịch (CTI Travel)	24,449		
8- Nhà ở xã hội Phường Tam Hòa	24,845		
Hợp nhất tập đoàn	1.018,031	80,372	<i>Đã loại trừ doanh thu và lợi nhuận trong tập đoàn (nội bộ) khi hợp nhất</i>

b. Kế hoạch đầu tư:

Dự kiến trong năm 2022 Công ty tiếp tục đầu tư vào các dự án đầu tư của hệ thống như sau:

STT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch sử dụng vốn (vốn vay và vốn CSH)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Dự án Khu dân cư tại Xã Phước Tân (Khu 10,4 ha)	726	2.477
2	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu Hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An	150	435
3	Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3)	30	281
4	Các dự án tiềm năng khác	100	
	Tổng cộng	1.006	

Điều 5. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi cổ tức và thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022:

a. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

- Chi cổ tức: 10% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1.

b. Kế hoạch về chi phí hoạt động và chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022:

- Chi phí hoạt động và chi thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2022 là 200.000.000 đồng.
- Chi phí hoạt động và chi thù lao cho Ban kiểm soát năm 2022 là 50.000.000 đồng.
- Chi phí hoạt động và chi thù lao cho Ban thư ký năm 2022 là 50.000.000 đồng.

Điều 6. Thông qua một số nội dung ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện năm 2021:

Hội đồng quản trị đã thực hiện một số nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền, cụ thể đã xây dựng và thực hiện các phương án huy động vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển của Công ty tại các Dự án nút giao 319 với đường Cao tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây theo hình thức BOT; Đền bù giải phóng mặt bằng của dự án Khu

dân cư Phường Phước Tân 10,4ha. Lập các hồ sơ liên quan đến quy hoạch, thiết kế để chuẩn bị đầu tư xây dựng CCN Tân An.

Điều 7. Thông qua một số nội dung ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện trong năm 2022:

Căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư đang triển khai của công ty, Đại hội nhất trí thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện một số nội dung sau:

- Quyết định đầu tư các dự án khi HĐQT xét thấy có hiệu quả và mang lại lợi ích cho các cổ đông và Công ty;
- Quyết định nhận chuyển nhượng/chuyển nhượng các dự án khi HĐQT xét thấy cần thiết, hiệu quả và mang lại lợi ích cho các cổ đông và Công ty;
- Quyết định phương án huy động vốn, tăng vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Quyết định phương án tăng vốn điều lệ công ty để đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.
- Quyết định phương án chia cổ tức năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2022 (nếu có);
- Quyết định phương án, hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác để đầu tư, sản xuất kinh doanh;
- Quyết định phương án xử lý cổ phiếu quỹ khi HĐQT xét thấy có mang lại lợi ích cho các cổ đông và Công ty.
- Quyết định việc điều chỉnh ngành nghề sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình đầu tư của công ty.
- Phê duyệt kế hoạch đầu tư và các thủ tục liên quan đến các dự án đầu tư năm 2022.

Điều 8. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung điều lệ công ty theo hướng dẫn của nghị định 31/2021/NĐ-CP

- Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại điều 4 – mục III - Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty của Điều lệ Công ty như sau:

1. Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh tại mục 2 “Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê – Mã ngành 6180 – Chi tiết: kinh doanh bất động sản (không bao gồm *Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng*)”.
2. Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh tại mục 11 “Chuẩn bị mặt bằng – mã ngành 4312 (không bao gồm *Dịch vụ nổ mìn*)”.
3. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 13 “Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác – Mã ngành 4659”.
4. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 23 “Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn xăng, dầu – mã ngành 4661”.
5. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 24 “Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình – Mã ngành 4649) ”.
6. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 27 “Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy – mã ngành 5222”.
7. Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh tại mục 30 “Điều hành tua du lịch – mã ngành 7912 (không bao gồm *Kinh doanh dịch vụ lữ hành, trừ dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam*)”.
8. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 33 “Xây dựng công trình thủy – mã ngành 4291”.
9. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 36 “Bán buôn thực phẩm – mã ngành 4632”.
10. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 46 “Xây dựng công trình điện – mã ngành 4221”.
11. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 50 “Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm – mã ngành 4651”.
12. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 53 “Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông – mã ngành 4652”.
13. Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh tại mục 58 “Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch – mã ngành 7990 (không bao gồm *Kinh doanh dịch vụ lữ hành, trừ dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam*) ”.

14. Loại bỏ ngành nghề kinh doanh tại mục 64 “Cổng thông tin – mã Ngành 6321”.

- Thông qua việc điều chỉnh Điều lệ Công ty sau khi loại bỏ và điều chỉnh ngành nghề kinh doanh nêu tại mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14. (đính kèm điều lệ sửa đổi).

Điều 9. Thông qua việc chọn lựa đơn vị kiểm toán năm 2021:

Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Ban tổng giám đốc công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kết thúc ngày 31/12/2022 dựa trên tiêu chí lựa chọn tổ chức tư vấn kiểm toán độc lập, hợp pháp và uy tín được UBCK nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán; có mức chi phí hợp lý, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết được lập lúc 11h30 ngày 20 tháng 05 năm 2022 đã được đọc thông qua trước Đại hội với tỷ lệ nhất trí 100%. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

Nơi nhận:

- Các TV. HĐQT;
- Ban KS, Ban TGD;
- Lưu HS, TKý HĐQT.

**TM/ ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



TRẦN NHƯ HOÀNG